TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 121/2019/DS-PT
Ngày: 16-4-2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn
Các Thẩm phán: 1/ Tô Chánh Trung
2/ Đặng An Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phượng, Kiểm sát viên cao cấp VKSND cấp cao tại Tp.HCM tham gia phiên tòa.

Ngày 16/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 111/TLPT-DS ngày 16/5/2016 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DSST ngày 31/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn:
1/ Ông Huỳnh Chí V, (Trí V) sinh năm 1930
Địa chỉ: 142 ấp M, xã N, Tp.P, tỉnh Cà Mau
Người đại diện theo ủy quyền của ông V:
Ông Dương Chấn H (Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm)
Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn:
Luật sư Hồ Nguyễn Lễ, VPLS Tín Nghĩa, thuộc Đoàn LS Tp.Hồ Chí Minh
(Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm)

2/ Bà Huỳnh Kim L, sinh năm 1943
Địa chỉ: 154 Hoàng Văn Thụ, Khóm M, P.N, Tp. P, tỉnh Bạc Liêu.
(Ủy quyền cho ông Viễn)

3/ Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Bỉnh H, sinh năm 1924 (Chết):

3.1/ Ông Huỳnh C, sinh năm 1966

Địa chỉ: 162 ấp M, xã N, Tp.P, tỉnh Cà Mau

3.2/ Bà Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1960

3.3/ Bà Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1962

Địa chỉ: 320 ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.4/ Ông Huỳnh N, sinh năm 1971

Địa chỉ: 567 khu vực 2, Khóm M, TT. N, huyện P, tỉnh Cà Mau

(Cùng ủy quyền cho ông V)

4/ Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1921 (Chết)

4.1./ Ông Huỳnh Văn É, sinh năm 1961

4.2/ Ông Huỳnh Hóc S, sinh năm 1967

4.3/ Bà Huỳnh Thị Ê, sinh năm 1962

Địa chỉ: 64/18 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

4.4/ Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1969

4.5/ Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1972

Địa chỉ: 64/15 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

4.6/ Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1970

Địa chỉ: 421 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau.

4.7/ Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1976

4.8/ Ông Huỳnh Hóc C, sinh năm 1978

4.9/ Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: 64/8 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

(Cùng ủy quyền cho ông V)

5/ Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Bỉnh H (H), sinh năm 1921 (Chết)

5.1/ Bà Huỳnh Cẩm L, sinh năm 1979

5.2/ Bà Huỳnh Thị Cẩm N, sinh năm 1969

5.3/ Bà Huỳnh Thị Cẩm A, sinh năm 1980

5.4/ Bà Huỳnh Thị Cẩm T1, sinh năm 1985

5.5/ Bà Huỳnh Thị Cẩm T2, sinh năm 1975

Cùng Địa chỉ: 1/17 Lý Bôn, Khóm M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

(Cùng ủy quyền cho ông V)

6/ Ông Huỳnh Quốc B, sinh năm 1971

Địa chỉ: 322 M, P.N, Tp. P, tỉnh Bạc Liêu

(Đã có QĐ tuyên bố mất tích của TAND Tp. P).

7/ Bà Huỳnh Cẩm V

8/ Bà Huỳnh Cẩm H

(Cùng có đơn xin từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng và thừa kế)

9/ Bà Tạ Ngọc T, sinh năm 1960

Địa chỉ: 13 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

10/ Ông Tạ Kim H, sinh năm 1975

Địa chỉ: 142 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

11/ Bà Tạ Ngọc X, sinh năm 1964

Địa chỉ: 207 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

(Cùng ủy quyền cho ông V)

12/ Ông Tạ Ngọc C

13/ Ông Tạ Văn M

14/ Bà Tạ Kim T

15/ Bà Tạ Ngọc L

16/ Bà Tạ Ngọc C

(Cùng có đơn xin từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng và thừa kế)

17/ Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Huệ D, sinh năm 1933 (Chết):

Ông Huỳnh Chí V

Bà Huỳnh Kim L

18/ Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Tường Y, sinh năm 1922 (Chết)

Ông Huỳnh Vũ P, sinh năm 1955

Bà Huỳnh Thanh C, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: 222 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

Ông Huỳnh Phước T, sinh năm 1971

Bà Huỳnh Thanh H, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: 51/19 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

Bà Huỳnh Thanh M, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 4 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau

(Cùng ủy quyền cho ông V)

Bị đơn: **Ông Phạm Hoàng H**, sinh năm 1955

Địa chỉ: 218 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi cho ông H:

Luật Gia Trương Minh Chiến, Hội Luật gia tỉnh Cà Mau

(Có mặt tại phiên tòa phúc thẩm)

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Bùi Văn T, sinh năm 1969
Địa chỉ: 218 M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

2/ Ông Đặng Duy T, sinh năm 1961
3/ Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1964

Địa chỉ: 218 B, M, P.N, Tp. P, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Người kháng cáo:
Ông Huỳnh Chí V là nguyên đơn trong vụ án dân sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn ông Huỳnh Chí V và là người đại diện cho các đồng nguyên đơn, đại diện cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của các đồng nguyên đơn trình bày:

Ông Huỳnh P là cha của các ông bà gồm: Huỳnh Bỉnh H, Huỳnh Văn B, Huỳnh Tường Y, Huỳnh Huệ T, Huỳnh Huệ D, Huỳnh Kim L, Huỳnh Chí V, có để lại diện tích 3.933m^2 đất tọa lạc tại khóm M, P. N, Tp. P.

Sau đó nhà nước có mượn đất này sử dụng làm nhà máy cơ khí, ngày 15/02/1992 UBND tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) giao cho Sở Xây dựng ban hành Quyết định số 123/QĐ-SXD giao trả phần đất trên cho gia đình ông V.

Năm 1992, ông H đến ở nhờ một phần đất nêu trên, đến năm 1993 ông V và ông B đại diện anh em trong gia đình chuyển nhượng cho ông H 90m^2 giá 15 chỉ vàng 24K, khi chuyển nhượng có lập văn bản, nhưng phía ông H đã tự sửa số 90m^2 thành số 290m^2, thực tế thì ông H sử dụng diện tích 349,44m^2, như vậy ông H đã chiếm diện tích 225m^2 đất.

Do hợp đồng không có sự đồng ý của các anh chị em và có sự gian dối của ông H trong việc sửa đổi hợp đồng, nên phía nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, phía ông V đồng ý trả lại 15 chỉ vàng cho ông H.

Tại phiên Tòa sơ thẩm ông V đồng ý nhận giá trị của 205m^2 đất theo giá thẩm định trong hồ sơ vì phía bị đơn đã xây dựng nhà kiên cố là 999. 760.816 đồng.

Theo văn bản và lời khai của phía bị đơn ông Phạm Hoàng H trình bày:

Năm 1993 ông có mua của anh em ông Huỳnh Chí V diện tích đất 290m^2 (14,5m x 20m) của anh em ông V, lúc đầu ký bằng giấy tay, sau đó ông có làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định, khi làm hợp đồng chuyển nhượng có ghi rõ diện tích đất là 290m^2, trong hợp đồng có xác nhận của UBND Phường N, Tp. P và các

cơ quan chức năng, nay ông không không đồng ý yêu cầu của phía ông V.

Theo văn bản và lời khai của phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đình T trình bày:

Năm 1998 ông có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông H có diện tích (4,5m x 20m), ông có làm đầy đủ các thủ tục theo quy định, năm 1999 ông xây dựng nhà trên đất nhưng không thấy ai tranh cản. Nay ông không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Theo văn bản và lời khai của phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T trình bày:

Năm 2001 ông có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông H có diện tích (3m x 17m), ông có làm đầy đủ các thủ tục theo quy định, năm 1999 ông xây dựng nhà trên đất nhưng không thấy ai tranh cản. Nay ông không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 225/2006/DS-ST ngày 12/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả ông nguyên đơn diện tích đất 199,99m^2 (có bản vẽ vị trí từ cận kèm theo).

Ông V và ông H đều kháng cáo.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 52/2008/DS-ST ngày 22/4/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM*, đã tuyên xử:*

Không chấp nhận kháng cáo của ông H, chấp nhận một phần kháng cáo của ông V, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất số tiền 525.046.000 đồng.

Ngày 10/7/2008 ông H có đơn khiếu nại.

Ngày 29/5/2008 Ban Pháp chế HĐND tỉnh Cà Mau có văn bản kiến nghị Chánh án TANDTC giám đốc thẩm xét lại bản án sơ thẩm và phúc thẩm.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 107/2011/DS-GĐT ngày 15/02/2011 của Tòa Dân sự TAND tối cao, đã tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 225/2006/DS-ST ngày 12/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và bản án dân sự phúc thẩm số 52/2008/DS-ST ngày 22/4/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM, để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2013/DS-ST ngày 28/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với đất tranh chấp diện tích 225m^2.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 30/2013/DS-ST ngày 25/9/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM, đã tuyên xử:

Hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, giao về giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 31/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Chí V, ông Huỳnh Văn B với ông Phạm Hoàng H.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí, lệ phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/4/2016 ông Huỳnh Chí V là nguyên đơn làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của phía ông, đề nghị phúc xử lại chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo.

Phía bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị giữa nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM đã thụ lý và giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa phúc thẩm những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Chí V làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp, đối tượng giải quyết và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là: *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Mà cụ thể là nguyên đơn đòi hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 90m^2 đất tọa lạc tại Khóm M, P.N, Tp. P và đòi lại giá trị 205m^2 mà phía bị đơn đã nhận dư ngoài 90m^2 với số tiền 999.760.816 đồng.

Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 697 Bộ Luật dân sự, Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng các quan hệ tranh chấp trên theo yêu cầu của đương sự và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 35, 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[3.1] Những căn cứ xác định nội dung vụ án:

Căn cứ Đơn xin sang nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/6/1993, có nội dung về tứ cận như sau:

Đông giáp xí nghiệp xuất khẩu tỉnh (cơ khí cũ)
Tây giáp phần đất của anh V1 ở giao thông.
Nam giáp phần đất của anh D.
Bắc giáp lộ xe vào xí nghiệp.

Căn cứ Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/6/1993 có sự xác nhận của Uỷ ban nhân dân Phường 8 và Phòng kinh tế thị xã P (nay là thành phố P), có nội dung:

Chủ sử dụng đất ông Huỳnh Văn B, những người thừa kế trong thân tộc và hộ gia đình gồm: ông Huỳnh Tường Y, Huỳnh Bỉnh H1, Huỳnh Bỉnh H2, chuyển nhượng diện tích đất 290m^2 cho ông Phạm Hoàng H với giá 1,5 lượng vàng 24K.

Căn cứ Kết quả xem xét thẩm định ngày 25/01/2013 (kèm theo sơ đồ chi tiết) đất tranh chấp có nội dung:

Tổng diện tích đo đạt 317,129m^2 (chưa trừ lộ giới).

Vị trí khu đất như sau: Đông giáp hẻm mương thoát nước, tiếp giáp khu tập thể cơ khí (khu xí nghiệp thủy sản); Tây giáp phần đất của bà Kiều Tuyết M (phần đất anh V1 giao thông chuyển nhượng cho bà M); Nam giáp phần đất của ông Bùi

Đình T; Bắc giáp đường lộ Cao Thắng. Nếu trừ lộ giới 21,24m^2 thì diện tích còn lại 295,8m^2.

Căn cứ Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân Tp. P, có nội dung: *Khoảng thời gian năm 1993 ông Trần Hoàng M là Phó Chủ tịch UBND P.N, Tp. P.*

[3.2] Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định về nội dung và yêu cầu của các bên đương sự như sau:

Phía ông V tranh chấp phần đất ở vị trí phía Đông vì cho rằng phần này phía ông không chuyển nhượng cho ông H, phía ông H thì cho rằng toàn bộ đất trên đã được chuyển nhượng theo hợp đồng và có vị trí tứ cận rõ ràng, nên không đồng ý trả lại đất.

Do không thống nhất với nhau nên các bên đương sự đã phát sinh tranh chấp.

[3.3] Xét;

Theo điểm b tiểu mục 2.2 mục II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự như sau:

b) Nếu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được thực hiện thì Toà án công nhận hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

b.1) Bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b.2) Trường hợp đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân đã cho phép việc chuyển nhượng.

b.3) Bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây nhà ở, công trình kiến trúc, trồng cây lâu năm, đầu tư sản xuất, kinh doanh không vi phạm quy định về quy hoạch và bên chuyển nhượng cũng không phản đối khi bên nhận chuyển quyền sử dụng đất xây nhà ở, công trình kiến trúc, trồng cây lâu năm, đầu tư sản xuất, kinh doanh trên đất đó.

[3.4] Đối chiếu với trường hợp khởi kiện của phía nguyên đơn thì thấy:

Theo hợp đồng chuyển nhượng lập giữa các bên ghi đất chuyển nhượng phía Đông giáp hẻm mương thoát nước, tiếp giáp khu tập thể cơ khí (Khu xí nghiệp thủy sản), chứ không ghi giáp đất của phía ông V.

Phía nguyên đơn đòi lại diện tích 205m^2 ở phía Đông, nhưng không chứng minh được phần đất này ông không chuyển nhượng, nếu không chuyển nhượng

phần đất này thì trong hợp đồng sẽ ghi nhận phía Đông tiếp giáp là phần đất của phía ông V.

Thực tế kết quả thẩm định phù hợp với vị trí tiếp giáp được ghi trong hợp đồng là phía Đông tiếp giáp với khu tập thể cơ khí. Như vậy, có cơ sở xác định anh em ông V đã chuyển nhượng cho ông H phần đất trong phạm vi tứ cận này.

Trong quá trình ông H nhận đất đã làm nhà ở và chuyển nhượng một phần cho ông T1, ông T2.

Ông T2, ông T1 đã sử dụng làm nhà ở nhưng cũng không có ai ngăn cản hay tranh chấp gì. Tại biên bản làm việc ngày 20/02/2013 ông V cho rằng ông phát hiện ông H sử dụng đất không đúng diện tích chuyển nhượng vào năm 1998 lúc đó ông T1, ông H đã có nhà trên đất nhưng ông không có yêu cầu tranh chấp gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/11/2014 ông V thừa nhận toàn bộ phần đất cha mẹ ông để lại có diện tích 3.933m^2 đều do ông B và ông V chuyển nhượng cho rất nhiều người, ông H là người chuyển nhượng cuối cùng, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào thời điểm năm 1993 không có ai trong thân tộc tranh chấp hay phản đối.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, hợp pháp phù hợp với Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như đã viện dẫn.

Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo nên phía người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định, tuy nhiên ông V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 33, 35, 37 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Điều 697 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Nghị quyết và Pháp lệnh về lệ phí, án phí tòa án.

Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn là ông Huỳnh Chí V, Huỳnh Kim L (cũng là người thừa kế quyền tố tụng của bà Huỳnh Huệ D) Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của các ông, bà: Huỳnh Bỉnh H, Huỳnh Văn B, Huỳnh Bỉnh H, Huỳnh Huệ T, Huỳnh Tường Y là các ông bà Huỳnh C, Huỳnh Ngọc Đ, Huỳnh Ngọc M, Huỳnh N; Huỳnh Văn É, Huỳnh Hóc S, Huỳnh Thị Ê, Huỳnh Thị S, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn S, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Hóc C, Huỳnh Văn Đ; Huỳnh Cẩm L, Huỳnh Thị Cẩm N1, Huỳnh Thị Cẩm A, Huỳnh Thị Cẩm T1, Huỳnh Thị Cẩm T2, Huỳnh Thị Cẩm N2; Tạ Ngọc T, Tạ Kim H, Tạ Ngọc X; Huỳnh Vũ P, Huỳnh Thanh C, Huỳnh Phước T, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh M, về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Chí V, Huỳnh Văn B với ông Phạm Hoàng H.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc mỗi nguyên đơn phải nộp 200.000 đồng. Riêng ông H, ông B, ông H, bà T và ông Y đã chết thì những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng nộp thay. Đối với bà Huỳnh Huệ D đã chết không còn người ở hàng thừa kế thứ nhất nên ông V và bà L hàng thừa kế thứ hai nộp thay.

Ngày 25/11/2005 ông V dự nộp 2.621.500 đồng tại biên lai số 003856, ông H dự nộp 1.000.000đồng tại biên lai số 003858, ông B dự nộp 1.000.000đồng tại biên lai số 003857, ông H dự nộp 1.000.000 đồng tại biên lai số 003859 đã nhận lại. Ngày 27/3/2014 ông Huỳnh Chí V, bà Huỳnh Kim L, ông Viễn nộp thay cho bà Huỳnh Huệ D, các con của các ông, bà: Huỳnh Bỉnh H, Huỳnh Văn B, Huỳnh Bỉnh H, Huỳnh Huệ T, Huỳnh Tường Y đã nộp 200.000đồng tại biên lai thu từ số 000583 đến 000590 được chuyển thu.

3/ Lệ phí thẩm định, đo đạc ông V phải chịu, ông V đã nộp xong.

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông V.

Hoàn trả cho ông V số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo biên lai thu số 000833 ngày 14/4/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tô Chánh Trung Đặng An Thanh

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Hoàng Tấn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ HOÀNG TẤN